

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 941 /QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 22 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động
môi trường của Dự án Khai thác khoáng sản cát xây dựng
tại xã Bình Tân, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của
Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số
điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số
điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Công văn số 1009/SNNMT-QLMT ngày 09 tháng 4 năm 2025 của
Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo
đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác khoáng sản cát xây dựng tại
xã Bình Tân, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận;*

*Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi
trường của Chủ dự án tại Văn bản số 22/2025/CV-ĐTGB ngày 13 tháng 5
năm 2025 và hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai
thác khoáng sản cát xây dựng tại xã Bình Tân, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình*

Thuận đã được chỉnh sửa, bổ sung của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Gia Bảo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 98/TTr-SNNMT ngày 26 tháng 4 năm 2025, Tờ trình số 135/TTr-SNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 và Báo cáo thẩm định số 77/BC-SNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác khoáng sản cát xây dựng (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Gia Bảo (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Bình Tân, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính Phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (đ/c Đăng);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Thuận;
- UBND huyện Bắc Bình;
- UBND xã Bình Tân;
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Gia Bảo;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTTT, KT. Vương.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Văn Đăng

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
Khai thác khoáng sản cát xây dựng tại xã Bình Tân, huyện Bắc Bình,
tỉnh Bình Thuận

*(Kèm theo Quyết định số: 941 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác khoáng sản cát xây dựng.
- Địa điểm thực hiện: Xã Bình Tân, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Gia Bảo.

Địa chỉ liên lạc: Quốc lộ 1A, thôn Thắng Lợi, xã Hàm Thắng, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Hiền Vinh, Chức vụ: Giám đốc.

- Dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2024.

1.2. Quy mô, công suất

- Diện tích thực hiện dự án là 12,6 ha, có tọa độ như sau:

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000BT kinh tuyến trực 108,5 độ, múi chiếu 3 độ	
	X (m)	Y (m)
1	1.240.460	467.340
2	1.240.465	467.376
3	1.240.492	467.436
4	1.240.500	467.480
5	1.239.894	467.627
6	1.239.814	467.583
7	1.239.943	467.479
8	1.239.996	467.323
9	1.240.136	467.313
10	1.240.404	467.340
Diện tích: 12,6 ha		

- Quy mô công suất khai thác khoáng sản cát xây dựng: 20.000 m³/năm (nguyên khối), tương đương 22.500 m³/năm (nguyên khai, hệ số nổ rời là 1,125).
- Chiều cao tầng khai thác trung bình: 2,1 m.

- Tuổi thọ mỏ được tính: 10 năm 10 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép khai thác khoáng sản (*bao gồm thời gian xây dựng cơ bản mỏ*).

1.3. Công nghệ sản xuất

Dự án tiến hành khai thác theo địa hình, dạng cuốn chiếu, phát quang, xúc bốc tầng phủ lưu chứa tại bãi thải tạm; khai thác, vận chuyển cát xây dựng về hồ bơm để tiến hành tuyển rửa, cát sau tuyển rửa được tập kết tại bãi chứa sản phẩm và vận chuyển trực tiếp đến nơi tiêu thụ; đất tầng phủ được san gạt, hoàn thổ cải tạo phục hồi môi trường.

1.4. Phạm vi

1.4.1. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình chính: Khai trường khai thác khoáng sản có diện tích 12,6 ha; bố trí trong diện tích khai trường các hạng mục công trình gồm: Bãi chứa sản phẩm diện tích khoảng 2.000 m²; bãi thải tạm diện tích khoảng 500 m² (lưu chứa tối đa 1.500 m³ vật liệu, chiều cao đống thải trung bình không vượt quá 3 m) có thiết kế đào rãnh thu nước vào hồ lắng; hồ bơm (diện tích 1.014 m², sâu 2 m); hồ lắng (diện tích 759 m², sâu 2 m); bộ sản tuyển cát xây dựng.

- Các hạng mục công trình phụ trợ: Đường vận chuyển ngoài mỏ (tuyến đường đất dài 1.365 m rộng 4 m, đường sỏi đỏ dài 3.200 m rộng 4 m nối từ mỏ ra đến đường nhựa đầu nối đường Quốc lộ 1A) và đường vận chuyển nội mỏ; bố trí 70 m² nằm trong diện tích khai trường các hạng mục công trình: Lán trại diện tích 50 m²; trạm cân điện tử và camera giám sát.

- Các công trình bảo vệ môi trường: Thu gom và thoát nước mỏ; nhà vệ sinh di động; thùng chứa chất thải rắn dung tích 20 lít thu gom lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt; khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 10 m² đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

1.4.2. Các hạng mục công trình và hoạt động đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường: Các hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

Thời gian năm đầu sau khi được cấp phép khai thác là thời gian xây dựng cơ bản mỏ, dự án tiến hành các hoạt động như: Phát quang, dọn mặt bằng vị trí mở vỉa; dựng lán trại, trạm cân; san gạt đường vận chuyển ngoài mỏ,... có tác động xấu đến môi trường như: Phát sinh nước thải sinh hoạt của công nhân; bụi do hoạt động của các máy móc trong quá trình phát quang thăm thực vật san gạt mở vỉa; các chất gây ô nhiễm không khí chính trong quá trình phát quang thăm thực vật, phát sinh từ loại máy đào và các phương tiện vận chuyển ra vào dự án: Khí SO_2 , NO_2 , CO , CO_2 ,...; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn thông thường chủ yếu là sinh khối thực vật từ hoạt động phát quang; chất thải nguy hại; tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các thiết bị phục vụ cho công tác chuẩn bị mặt bằng khai thác và xây dựng cơ sở hạ tầng như máy đào, ô tô vận tải; ảnh hưởng đến hệ thống giao thông, cảnh quan, môi trường và các đối tượng xung quanh khu vực Dự án.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân làm việc tại Dự án phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt.

- Hoạt động khai thác khoáng sản của Dự án: Phát sinh nước thải sau tuyển rửa cát; bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng, quá trình san gạt, xúc bốc, khai thác tại Dự án, tại bãi chứa thành phẩm, bãi chứa chất thải rắn sau tuyển rửa, phương tiện khai thác; chất thải rắn công nghiệp thông thường (quá trình phát quang, sắn tuyển); chất thải nguy hại; tiếng ồn, độ rung; các sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, sạt lở.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng và vận hành khoảng $0,45 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: BOD_5 , TSS, Amoni, dầu mỡ động, thực vật, nitơ (N), photpho (P), Coliform.

- Nước thải sản xuất: Lưu lượng phát sinh từ quá trình tuyển rửa trong giai đoạn vận hành khoảng $126 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Chất rắn lơ lửng (TSS), hợp chất hữu cơ (BOD_5/COD), ...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

Bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng, giai đoạn vận hành từ các hoạt động phát quang, dọn mặt bằng, mở vỉa và làm đường vận chuyển, từ hoạt động khai thác, phương tiện vận chuyển khoáng sản đến nơi tiêu thụ. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: Bụi (TSP), SO_2 , NO_x , CO.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn xây dựng và vận hành khoảng 05 kg/ngày. Các thành phần chủ yếu: Chất thải hữu cơ (*thức ăn thừa*), chất thải vô cơ (*các loại bao bì: Túi nilong, vỏ cơm hộp,...*).

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Khối lượng sinh khối phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản mở (06 tháng) khoảng 0,62 tấn; phát sinh trong giai đoạn vận hành tổng khối lượng trung bình khoảng 78,5 tấn/năm và thành phần chủ yếu: Cành cây, thân gỗ, cây lùm bụi, cỏ dại,...

- Khối lượng chất thải rắn từ quá trình tuyển rửa trong giai đoạn vận hành phát sinh khoảng 45.487 m³, thành phần chủ yếu gồm: Mùn hữu cơ; rác, sét cục và các tạp chất dạng bùn, lớp cát mịn lẫn trong cát được tách ra sau tuyển rửa và khối lượng bùn sa lắng được nạo vét từ hố bơm và hố lắng,...

- Khối lượng chất thải rắn do tháo dỡ hạng mục công trình (lán trại, trạm cân,...) sau khi kết thúc khai thác khoáng sản phát sinh khoảng 5,5 tấn và thành phần chủ yếu gồm: Tole, sắt, thép, cọc gỗ,...

3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn xây dựng khoảng 1,0 kg, trong giai đoạn vận hành khoảng 2,0 kg/tháng. Thành phần chủ yếu gồm: Giẻ lau, bao tay dính dầu nhớt từ quá trình bảo trì máy móc thi công,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển ra vào dự án, các thiết bị phục vụ cho công tác chuẩn bị mặt bằng và hoạt động khai thác khoáng sản.

3.4. Các tác động khác

- Tác động đến hệ thống giao thông: Gia tăng mật độ phương tiện lưu thông trên các tuyến đường vận chuyển ra vào dự án, làm hư hỏng, xuống cấp một số tuyến đường mà phương tiện vận chuyển có tham gia, tăng nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông,...

- Tác động đến kinh tế - xã hội: Ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của các hộ dân xung quanh, dọc tuyến đường vận chuyển khoáng sản, đặc biệt là ảnh hưởng của bụi, an toàn giao thông, an ninh trật tự trên địa bàn,...

- Sự cố về an toàn lao động có thể xảy ra nếu người lao động không được trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động, không tuân thủ các quy tắc an toàn lao động theo quy định; trượt lở bờ moong khai thác; xói lở, bồi lắng tại khu vực.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt giai đoạn xây dựng và vận hành: Ưu tiên sử dụng lao động địa phương, trang bị nhà vệ sinh di động bằng composite đúc liền khối, có lắp đặt hệ thống bể tự hoại 04 ngăn với dung tích 550 lít, thuê đơn vị có chức năng định kỳ đến hút, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định khi đầy bể, không xả thải ra môi trường và tháo dỡ sau khi dự án kết thúc.

- Nước thải sản xuất trong giai đoạn vận hành:

Quy trình: Nước thải phát sinh từ hoạt động tuyển rửa cát, bãi tập kết sản phẩm, bãi thải tạm → Mương dẫn nước (kích thước 0,5 m x 0,5 m) → Hồ lắng → Tuần hoàn qua hồ bơm để tái sử dụng cho hoạt động tuyển rửa cát và không thải ra môi trường.

Hồ bơm: Dung tích chứa khoảng 2.166 m³ (kích thước 39 m x 26 m x 2 m). Đặt tại vị trí có tọa độ: X (m) = 1240176; Y (m) = 467347 vào năm khai thác thứ 1 và thứ 2. Đặt cố định từ năm khai thác thứ 3 đến khi kết thúc khai thác tại vị trí có tọa độ X (m) = 1240175; Y (m) = 467539 thuộc hệ tọa độ VN-2000BT kinh tuyến trực 108,5 độ, múi chiều 3.

Hồ lắng: Dung tích chứa khoảng 1.310 m³ (kích thước 33 m x 23 m x 2 m). Đặt tại vị trí có tọa độ: X (m) = 1240176; Y (m) = 467384 vào năm khai thác thứ 1 và thứ 2. Đặt cố định từ năm khai thác thứ 3 đến khi kết thúc khai thác tại vị trí có tọa độ X (m) = 1240211; Y (m) = 467529 thuộc hệ tọa độ VN-2000BT kinh tuyến trực 108,5 độ, múi chiều 3.

4.1.1.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom và xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh trong giai đoạn xây dựng và vận hành đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Toàn bộ nước thải sản xuất phát sinh trong giai đoạn vận hành của Dự án được thu gom và xử lý lắng, lọc trước khi tái sử dụng toàn bộ nước thải cho các mục đích sản xuất, không tái sử dụng cho mục đích tưới cây/rửa đường và không xả nước thải ra môi trường.

- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

Yêu cầu Chủ dự án đầu tư thực hiện biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng và vận hành như sau:

- Khai thác đến đâu tiến hành bóc thảm thực vật đến đó, giữ nguyên hiện trạng mỏ tại khu vực chưa khai thác. Để lại vành đai cây xanh hiện hữu 2,0 m xung quanh mỏ, vành đai an toàn, trồng cây đảm bảo mật độ trên đai là 3.333 cây/ha (cây trồng từ 3-5 hàng cây), tiến hành trồng cây xanh cải tạo phục hồi môi trường song song với thời gian khai thác, các moong sau khi kết thúc khai thác được hoàn thổ, trồng cây,... để ngăn ngừa, hạn chế tác động do bụi tại các bãi chứa.

- Có trách nhiệm kiểm tra việc tuân thủ các quy định tại khu vực trạm cân trước khi xe chở khoáng sản ra khỏi mỏ. Thường xuyên duy tu, nâng cấp, sửa chữa tuyến đường vận chuyển sản phẩm từ mỏ ra đến đường nhựa đầu nối đường Quốc lộ 1A trong quá trình sử dụng.

- Bố trí xe bồn tưới nước làm ẩm đường vận chuyển, thời gian tưới và mật độ tưới tùy thuộc vào thời tiết, vào những ngày khô hanh tần suất tưới tối thiểu 02 lần/ngày và tăng cường tưới nước vào những ngày thời tiết khắc nghiệt, nắng nóng. Bố trí công nhân quét dọn tuyến đường vận chuyển khoáng sản do xe vận chuyển làm rơi vãi đất, cát,...

- Các phương tiện vận chuyển khoáng sản phải được phủ bạt kín toàn thân xe; sử dụng đúng trọng tải, thiết kế của động cơ, nhiên liệu,...; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện vận chuyển, máy móc định kỳ; bố trí thời gian vận chuyển khoáng sản ra vào mỏ phù hợp. Hạn chế việc vận chuyển khoáng sản vào các ngày cuối tuần để tránh ảnh hưởng đến hoạt động của khu dân cư xung quanh dọc tuyến đường. Xe vận chuyển lần lượt từng chuyến, tránh tập trung vào một nơi tại cùng một thời điểm gây tắc nghẽn đường giao thông.

- Quá trình cải tạo phục hồi được triển khai song song với thời gian khai thác, các moong sau khi kết thúc khai thác được hoàn thổ, trồng cây cải tạo phục hồi môi trường nhằm giảm thiểu tác động do bụi.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân như: Khẩu trang, mũ, ủng, quần áo bảo hộ lao động trong khi làm việc.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Đối với sinh khối phát sinh từ quá trình phát quang: Bàn giao 100% các thân, cành cây cho các chủ đất cũ, các đơn vị thu mua trong khu vực tận dụng làm nguyên liệu sản xuất theo quy định. Đối với thành phần còn lại không được tận dụng, chủ dự án đầu tư thu gom, tập kết và tiến hành đốt bỏ. Quá trình đốt diễn ra trong ngày ít gió, luôn bố trí công nhân giám sát, chuẩn bị đầy đủ nước chữa cháy để tránh hỏa hoạn lây lan ra khu vực lân cận.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 01 thùng chứa rác chuyên dụng, dung tích 20 lít, có bánh xe và nắp đậy kín để thu gom, phân loại rác hàng ngày; hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Chất thải rắn phát sinh do thay thế các thiết bị hư hỏng, phụ tùng của phương tiện sản xuất, hoạt động tháo dỡ lán trại được thu gom và bán phế thải cho các cơ sở kinh doanh phế liệu lân cận.

+ Bùn, sét, sạn hạt lớn,... phát sinh trong quá trình nạo vét hồ bơm, hồ lắng định kỳ 3-6 tháng được thu gom tập kết về bãi thải tạm để phục vụ công tác hoàn phục môi trường.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt trong quá trình xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh được thu gom, phân loại và lưu giữ tại kho chất thải nguy hại có diện tích khoảng 10 m². Kho chất thải nguy hại được thiết kế có mái che kín, đặt tại khu vực lán trại, có cửa khóa và biển báo,... đảm bảo tuân thủ theo quy định hiện hành. Tại kho chất thải nguy hại bố trí các thùng chứa chuyên dụng có dung tích 20 lít/thùng để lưu giữ các loại chất thải nguy hại phát sinh, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật để thu gom lưu giữ chất thải nguy hại phát sinh của Dự án; hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại trong quá trình xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng xe, máy móc, thiết bị nhằm hạn chế tiếng ồn do phương tiện thi công tạo ra theo đúng tiêu chuẩn môi trường; không sử dụng các máy móc, phương tiện quá cũ gây tiếng ồn lớn vượt quá mức tiêu chuẩn cho phép; vận hành phương tiện, máy móc, thiết bị theo đúng trọng tải quy định để hạn chế tiếng ồn, độ rung.

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, không vận hành thiết bị máy móc gây tiếng ồn vào giờ nghỉ trưa; tiến hành các hoạt động thi công có độ ồn cao vào thời gian làm việc ban ngày và hạn chế tối đa các nguồn gây tiếng ồn vào ban đêm để không ảnh hưởng đến khu vực lân cận.

- Công nhân làm việc tại khu vực phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Giám sát hoạt động của các thiết bị, máy móc khi sử dụng tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan; đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a) Phương án được lựa chọn thực hiện

Khai trường kết thúc khai thác được san gạt đáy moong; xung quanh khai trường được gia cố bờ moong, lắp đặt biển báo, lắp đặt hàng rào kẽm gai; tạo mương thoát nước mưa đáy moong; trồng cây bạch đàn cải tạo phục hồi môi trường và duy tu sửa chữa đường vận chuyển ngoài mỏ.

b) Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường:

STT	Công trình	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian thực hiện
I	Khu vực khai thác			
1	Gia cố bờ moong	m ³	620	Thực hiện

STT	Công trình	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời gian thực hiện
2	Lắp đặt biển báo			song song với quá trình khai thác và hoàn thành trong 2 tháng sau khi kết thúc khai thác
2.1	Cột	Cột	56	
2.2	Biển báo hình tam giác	Biển	56	
3	San gạt đáy moong	m ³	75.387	
4	Trồng cây bạch đàn hoàn phục môi trường	cây	38.978	
5	Đào mương thoát nước	m	1.625	
6	Rào hàng rào kẽm gai	m	1.658	
6.1	Diện tích lắp đặt	m ²	2.984	
6.2	Lắp đặt cột rào	Cột	553	
6.3	Lắp đặt dây kẽm	kg	995	
II	Khu vực phụ trợ, ngoài ranh dự án			
1	Tháo dỡ và bán thanh lý các công trình phụ trợ	Tấn	5,5	Thực hiện trong 2 tháng sau khi kết thúc khai thác
2	Duy tu, sửa chữa tuyến đường sau kết thúc khai thác	m ²	9.130	
3	Đo vẽ và quan trắc môi trường giai đoạn cải tạo	ha	12,6	

c) Kế hoạch thực hiện

Tổ chức thực hiện phương án cải tạo phục hồi môi trường của dự án theo 02 khu vực:

- Khu vực khai thác: Thực hiện song song trong quá trình khai thác và hoàn thành trong 02 tháng ngay sau khi kết thúc khai thác với khối lượng hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường: Lắp đặt hàng rào kẽm gai và biển báo; trồng cây xanh; gia cố bờ moong và san gạt đáy moong; đào mương thoát nước.

- Khu vực phụ trợ: Thực hiện trong thời gian 02 tháng sau kết thúc khai thác với khối lượng hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường: Duy tu, sửa chữa đường vận chuyển; đo vẽ địa hình; quan trắc môi trường; tháo dỡ và bán thanh lý các công trình phụ trợ.

d) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **4.674.626.736** đồng (Bằng chữ: *Bốn tỷ, sáu trăm bảy mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn, bảy trăm ba mươi sáu đồng*).

- Số lần ký quỹ: 11 lần, gồm:

- + Số tiền ký quỹ lần đầu (20%) : 934.925.347 đồng.
- + Số tiền ký quỹ các lần tiếp theo (09 lần) : 373.970.139 đồng.
- + Số tiền ký quỹ lần cuối : 373.970.138 đồng.

- Thời điểm thực hiện ký quỹ:
- + Ký quỹ lần đầu: Trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.
- + Ký quỹ từ lần thứ hai trở đi: Phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.
- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Thuận.
- Số tiền ký quỹ nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau thời điểm phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: Không có.

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động trượt lở bờ moong, giải pháp phòng chống sạt lở tại khu vực khai thác như: Tiến hành khai thác góc dốc bờ moong phải nhỏ hơn góc dốc an toàn cho phép; phải có biện pháp tăng cường ma sát, nhất là vào mùa mưa; các thông số của hệ thống khai thác được lựa chọn đảm bảo các yếu tố kỹ thuật của thiết bị khai thác và yếu tố an toàn bảo vệ bờ mỏ theo QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên. Trồng cây, củng cố bờ moong, hạn chế sạt lở ảnh hưởng đến quá trình khai thác. Khai thác các vị trí có địa hình thấp hoặc hạn chế khai thác trong những ngày mưa bão nhằm đảm bảo an toàn cho lao động cũng như thiết bị.

- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định; có công trình, trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; xây dựng, huấn luyện lực lượng tại chỗ cho ứng phó sự cố môi trường; thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng biện pháp an toàn theo quy định của pháp luật; có biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh.

- Khi gây ra sự cố môi trường, Chủ dự án phải dừng ngay hoạt động gây ra sự cố môi trường, có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở, thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn cho người và tài sản, trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện để phối hợp ứng phó; đồng thời phải thực hiện phục hồi môi trường sau sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở dưới sự kiểm tra, giám sát hoạt động phục hồi môi trường của Ủy ban nhân dân xã. Chủ dự án gây ra sự cố môi trường có trách nhiệm chi trả kịp thời, toàn bộ các chi phí tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường; phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về môi trường gây ra (bao gồm: Suy

giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường; thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra) theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường hiện hành và quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp Nhà nước tổ chức ứng phó sự cố môi trường và phục hồi môi trường thì tổ chức, cá nhân gây ra sự cố môi trường có trách nhiệm thanh toán chi phí tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác

- Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố tai nạn lao động trong quá trình xây dựng và vận hành.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố có thể xảy ra theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức thực hiện các biện pháp giảm thiểu, đảm bảo an toàn không xảy ra hiện tượng sụt lún đất của người dân khu vực giáp ranh; tiến hành khai thác để lại đai an toàn xung quanh 2,0 m và giữ nguyên hiện trạng các cây đã được trồng trên đai an toàn, trồng thêm cây xanh xung quanh bờ moong.

- Trồng cây xanh, củng cố bờ moong, hạn chế sạt lở ảnh hưởng đến quá trình khai thác. Khai thác đến đâu mới tiến hành bóc bỏ thực vật đến đó để giữ nguyên hiện trạng.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan để phòng, chống, khắc phục các sự cố do tai nạn giao thông, các sự cố khác,... trong quá trình triển khai xây dựng, hoạt động của dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

Chủ dự án đầu tư đề xuất chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án như sau:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ dự án đầu tư xây dựng chương trình quản lý môi trường chi tiết của Dự án đảm bảo thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường nêu tại mục 4 trong Quyết định này và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trước khi tiến hành triển khai thực hiện Dự án.

5.2. Chương trình giám sát môi trường

5.2.1. Giai đoạn xây dựng cơ bản mở

- Đối với bụi phát sinh: Chủ dự án theo dõi thường xuyên, áp dụng các biện pháp thích hợp như thường xuyên tưới đường giảm bụi, tăng tần suất tưới, kiểm tra chất lượng máy móc vận dụng,... Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Đối với chất thải rắn: Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản mở. Thường xuyên được cập nhật đánh giá, ghi nhận kết quả để làm cơ sở báo cáo tình hình công tác bảo vệ môi trường cuối năm theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và gửi báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, quản lý. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

5.2.2. Giai đoạn vận hành

a) Giám sát môi trường không khí:

- Vị trí giám sát:

+ 01 điểm tại nhà dân gần dự án.

+ 01 điểm trên tuyến đường đất vận chuyển ngoài mỏ (vị trí giám sát được lấy tại điểm gần khu vực có dân cư sinh sống).

- Thông số giám sát: Bụi tổng (TSP), tiếng ồn, SO₂, NO₂, CO.

- Tần suất giám sát: Thực hiện 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b) Giám sát chất thải rắn:

Thường xuyên kiểm tra giám sát việc phân loại, thu gom, lưu trữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý chất thải rắn của dự án theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Vị trí giám sát: Các vị trí tập kết chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Khối lượng phát sinh, thành phần, việc phân loại và thu gom, hợp đồng với đơn vị có chức năng.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên theo ngày.

Nhật ký quản lý chất thải rắn của dự án sẽ được lưu giữ định kỳ và báo cáo với cơ quan quản lý môi trường của địa phương.

c) Giám sát khác:

- Giám sát các công tác về phòng tránh sự cố: Kiểm tra tình trạng hoạt động các thiết bị, máy móc, máy bơm thoát nước mỏ, kiểm tra các biển báo khu vực quanh mỏ để kịp thời bổ sung và khắc phục. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Giám sát trượt lở moong, sạt lở đất: Bố trí nhân sự thường xuyên kiểm tra các thông số của hệ thống khai thác được lựa chọn đảm bảo các yếu tố kỹ thuật của thiết bị khai thác và yếu tố an toàn bảo vệ bờ mỏ, hạn chế tối đa tình trạng trượt lở bờ moong,... Định kỳ tiến hành thực hiện công tác trắc địa bờ moong để có cơ sở xác định thông số dịch chuyển đất và dự báo nguy cơ sạt lở bờ moong. Tần suất giám sát: Thực hiện 06 tháng/lần.

- Giám sát thoát nước mỏ: Bố trí nhân sự thường xuyên kiểm tra việc vận hành, bơm thoát nước trong mỏ, đặc biệt là mùa mưa nhằm kịp thời giải quyết tình trạng ngập lụt, không làm ảnh hưởng đến đất sản xuất nông nghiệp của người dân lân cận dự án. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Giám sát nước thải sinh hoạt: Thuê đơn vị có chức năng thực hiện dịch vụ môi trường tại địa phương đến hút hầm và mang chất thải đi xử lý theo quy định. Chủ dự án tiến hành giám sát, theo dõi tình trạng hoạt động của nhà vệ sinh: Đường ống, rò rỉ,... để phát hiện sớm kịp thời, khắc phục và không xả nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý ra môi trường theo quy định. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Giám sát an toàn giao thông, an toàn lao động: Quản lý, giám sát lưu lượng xe vận chuyển, đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình hoạt động dự án: Mật độ xe, tốc độ vận chuyển ($<30\text{km/giờ}$), tải trọng,...; giám sát và kịp thời khắc phục ngay các tuyến đường hư hỏng, xuống cấp mà phương tiện vận chuyển có tham gia; giám sát tình trạng bụi phát sinh gây tác động đến sản xuất, sinh hoạt của các hộ dân hai bên đường vận chuyển. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

5.3. Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường

- Giám sát sự phát triển, chăm sóc cây: Chủ dự án thực hiện trồng và chăm sóc cây xanh theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã phê duyệt. Sau khi trồng cây xanh theo phương án, phải giám sát tốc độ sinh trưởng, tỷ lệ che phủ, mật độ cây trồng và thực hiện trồng dặm, thay thế những cây đã chết, chậm phát triển trong thời gian 03 năm trước khi phê duyệt, tổ chức nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Giám sát trượt lở moong, sạt lở đất: Bố trí nhân sự thường xuyên kiểm tra các thông số của hệ thống khai thác được lựa chọn đảm bảo các yếu tố kỹ thuật của thiết bị khai thác và yếu tố an toàn bảo vệ bờ mỏ, hạn chế tối đa tình trạng trượt lở bờ moong, sạt lở,... Trong mùa mưa, thường xuyên

kiểm tra việc bơm thoát nước mưa, tránh hiện tượng ngập lụt, vận tốc dòng chảy tràn lớn làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp của người dân có đất lân cận dự án. Định kỳ tiến hành thực hiện công tác trắc địa bờ moong để có cơ sở xác định thông số dịch chuyển đất và dự báo nguy cơ sạt lở bờ moong. Tần suất giám sát: Thực hiện 06 tháng/lần.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

6.1. Thực hiện các thủ tục về đất đai, các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành trước khi triển khai xây dựng Dự án; công khai rộng rãi cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư biết về các hoạt động của Dự án theo quy định.

6.2. Thực hiện biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực đến đời sống, kinh tế, xã hội như: Phối hợp với chính quyền địa phương trong sử dụng các tuyến đường vận chuyển khoáng sản đi qua cầu, cống,... để cam kết thực hiện duy tu, bảo dưỡng theo định kỳ và khi bị hư hỏng; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và lực lượng dân quân để quản lý công nhân, đảm bảo tốt an ninh trật tự trong khu vực; nghiêm cấm công nhân uống rượu, đánh bài, để xảy ra các tệ nạn,... tại khu vực mỏ; xây dựng nội quy sinh hoạt đầy đủ, rõ ràng và tổ chức quản lý công nhân; chấp hành và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về chính sách bảo hộ quyền lợi của nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được khai thác, sàng tuyển theo quy định tại Điều 5 Luật khoáng sản năm 2010.

6.3. Chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

6.4. Chủ dự án sau khi đã hoàn thành từng phần nội dung cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án được phê duyệt phải lập hồ sơ hoàn thành từng phần phương án đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận hoàn thành. Việc xác nhận hoàn thành toàn bộ nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt được thực hiện lồng ghép với đề án đóng cửa mỏ. Thực hiện báo cáo công tác cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

6.5. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với đội ngũ công nhân tham gia xây dựng, vận hành Dự án; đảm bảo an toàn giao thông và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường; duy tu đường vận chuyển định kỳ và thường xuyên kiểm tra để có kế hoạch xử lý, ứng phó tức thời nhằm hạn chế tối đa tác động phát sinh đến giao thông tại địa phương,...

6.6. Thực hiện các biện pháp quản lý phù hợp để kiểm soát chặt chẽ các nguồn chất thải ở các khâu tiếp nhận, lưu giữ và xử lý, đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động của Dự án; thực hiện các biện pháp phòng chống sự cố cháy nổ do các cơ quan chức năng quy định.

6.7. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đặc biệt là kết quả quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường, danh sách các thành viên tham gia thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

6.8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về tài nguyên nước trong hoạt động thăm dò, khai thác nước mặt phục vụ hoạt động của Dự án (nếu có).

6.9. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành Dự án./.